

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**LÍ THUYẾT TIẾP NHẬN VĂN HỌC VÀ VIỆC DẠY HỌC TÁC PHẨM VĂN
CHƯƠNG Ở NHÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG**

Mã học phần: 1NV206

Số tín chỉ: 04

Dùng cho chuyên ngành: Lí luận & PPDH Văn-Tiếng Việt

Bậc đào tạo: Thạc sĩ

Người biên soạn: PGS.TS Hoàng Thị Mai

Thanh Hóa, tháng 8 năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Thạc sĩ****1. Thông tin chung về học phần**

Tên học phần: Lí thuyết tiếp nhận văn học và việc dạy học tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông		Mã học phần INV206
Tên tiếng Anh: The theory of literary reception and the teaching of literary in secondary schools		
Học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn		
Thuộc khối kiến thức hoặc kỹ năng: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung ; <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở ngành		
<input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ <input type="checkbox"/> Luận văn/Đề án/ Đồ án tốt nghiệp		
Số tín chỉ: 04		
Số tiết lý thuyết: 36	Số tiết thảo luận/bài tập: 26	
Số tiết thực hành: 22	Số tiết tự học: 135 tiết	
Số tiết các hoạt động khác: <i>Ghi rõ các hoạt động (tham quan, khảo sát, thực địa, hoạt động ngoài trời, tổ chức sự kiện...)</i>		
Học phần tiên quyết	Khối kiến thức cơ sở ngành	
Học phần kế tiếp:	Thực tập	
Bộ môn quản lý học phần	Ngữ văn	

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Địa chỉ liên hệ	Điện thoại, Email	Ghi chú
1	PGS.TS Hoàng Thị Mai	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915188090	Phụ trách
2	PGS.TS Lê Thị Phụng	P202A5 trường ĐH Hồng Đức	0915831971	CBGD2

3. Mô tả tóm tắt học phần*Nội dung học phần:*

Học phần khái quát, nâng cao những kiến thức chuyên sâu, có hệ thống về lí thuyết tiếp nhận văn học và việc vận dụng vào dạy học đọc văn trong nhà trường bao gồm: các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học; quan điểm, những thành tựu và hạn

chế của các lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc; gợi mở quan điểm, nguyên tắc vận dụng lí thuyết tiếp nhận vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông và góp phần bổ sung, hoàn thiện lí thuyết về phương pháp dạy học Ngữ văn.

Năng lực đạt được:

Học phân phát triển năng lực thực hành vận dụng các tiền đề của lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc bổ sung cho lí thuyết dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông; phát hiện, đề xuất được các mô hình, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp nhận văn học của bạn đọc - học sinh từ gợi ý của lí thuyết tiếp nhận.

4. Chuẩn đầu ra của học phần và ma trận giữa CĐR của học phần và CĐR của CTĐT

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
<i>Kiến thức</i>		
CLO1	Mô tả, khái quát được các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại; phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học	PLO4: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về giao tiếp ngôn ngữ và tích hợp trong dạy học môn Ngữ văn.
<i>Kỹ năng</i>		
CLO2	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	<p>PLO5: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy đọc phát triển năng lực đọc hiểu văn bản, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về đọc hiểu môn Ngữ văn theo chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.</p> <p>PLO6: Nghiên cứu đề xuất, kiểm nghiệm được các mô hình, giải pháp dạy học phát triển năng lực tạo lập văn bản, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trên cơ sở vận dụng các kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về tạo lập văn bản môn Ngữ văn.</p>

Chuẩn đầu ra học phần	Mô tả chi tiết	Chuẩn đầu ra CTĐT
Mức tự chủ và trách nhiệm		
CLO3	Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.	PLO9: Tổ chức và quản lý các hoạt động ứng dụng các mô hình, giải pháp mới vào nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu và giảng dạy môn Ngữ văn trong nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

Ma trận tích hợp giữa CDR của học phần và CDR của chương trình đào tạo:

PLO \ CLO	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
1				✓	✓					
2						✓				
3									✓	

Ghi chú: Dùng ký hiệu (✓) để xác định sự liên quan giữa chuẩn đầu ra của học phần và CDR của CTĐT

5. Tài liệu dạy học

Giáo trình/tài liệu tham khảo chính (01-02 giáo trình/tài liệu)	1. Antoine Compagnon (2006), <i>Bản mệnh của lí thuyết - Văn chương và cảm nghĩ thông thường</i> , NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
Tài liệu tham khảo (không quá 04 tài liệu)	1. Phan Trọng Luận (2003), <i>Văn chương, bạn đọc sáng tạo</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. 2. Charles R. Cooper (1989), <i>Researching response to literature and the teaching of literature: points of departure</i> , Ablex Publishing Corporation.

6. Đánh giá kết quả học tập

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Đánh giá chuyên cần				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1	CLO1-3	20%
3	Thuyết trình, thảo luận	Rubric 2,3	CLO1, CLO2 CLO3	
Kiểm tra thường xuyên				30%
	Viết tiểu luận giữa kỳ	Rubric 5	CLO2 CLO3	
Thi cuối kì				50%
	Viết	Rubric 5	CLO1, CLO2, CLO3.	
Thang điểm				10

Rubric 1 Đánh giá chuyên cần và tiến độ

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Mức độ thực hiện kế hoạch nghiên cứu chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		Tham dự 95 - 100% số giờ lý thuyết	Tham dự 90 - 94% số giờ lý thuyết	Tham dự 80 - 89% số giờ lý thuyết	Tham dự $<$ 80% số giờ lý thuyết	
Mức độ tích cực tham dự các hoạt động học tập chuyên đề	50%	5.0 đến \geq 4.25	3.5 đến $<$ 4.25	3.5 đến \geq 2.5	0 đến $<$ 2.5	
		- Chủ động tích cực thực hiện đáp ứng \geq 85% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời	- Chủ động, tích cực thực hiện đáp ứng \geq 70% nhiệm vụ học tập; - Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời	- Chủ động thực hiện đáp ứng \geq 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	- Thực hiện đáp ứng $<$ 50% nhiệm vụ học tập; - Lười phát biểu, trả lời câu hỏi	

		câu hỏi	câu hỏi			
Tổng điểm:						

Rubric 2 Đánh giá thảo luận

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Tốt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đạt 6.9 – 5.0	Không đạt 4.9 - 0	
Nội dung	40%	<i>4.0 đến ≥ 3.25</i>	<i>2.75 đến ≤ 3.25</i>	<i>2.5 đến ≥ 2.0</i>	<i>0 đến < 2.0</i>	
		Bám sát vấn đề thảo luận và nêu ý kiến rất xác đáng	Nêu ý kiến khá xác đáng về vấn đề thảo luận	Một vài điểm trong ý kiến về vấn đề TL chưa xác đáng	Ý kiến lan man không bám vào chủ đề thảo luận.	
	30%	<i>3.0 đến ≥ 2.5</i>	<i>2.0 đến ≤ 2.5</i>	<i>1.5 đến ≤ 2.0</i>	<i>0 đến $\leq 1,25$</i>	
		Nhận xét, đánh giá thỏa đáng về các ý kiến khác, sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá thỏa đáng về các ý kiến khác, đưa ra được 1 vài căn cứ khá thuyết phục để bảo vệ hoặc bác bỏ 1 ý kiến nào đó.	Nhận xét, đánh giá khá hời hợt về các ý kiến khác, nhiều lí lẽ, bằng chứng chưa thỏa đáng.	Nhận xét đánh giá không thỏa đáng về các ý kiến khác, thiếu lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Phương tiện hỗ trợ	10%	<i>1.0 đến ≥ 0.75</i>	<i>0.5 đến ≤ 0.75</i>	<i>0.25 đến ≥ 0.5</i>	<i>0 đến ≤ 0.25</i>	
		Sử dụng động tác hình thể và phương tiện phi ngôn ngữ, điều chỉnh nội dung, giọng điệu rất phù hợp với không khí	Sử dụng động tác hình thể, điều chỉnh nội dung, giọng điệu tương đối phù hợp với không khí	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, nội dung dài ít phù hợp với không khí	Nội dung, giọng điệu không phù hợp với không khí thảo luận, nhiều lỗi	

		thảo luận.	thảo luận.	thảo luận.	đĩn đđt.	
Thái đđ	20%	$2.0 đđn \geq 1.5$	$1.25 đđn 1.5$	$1.0 đđn \leq 1.25$	$0 đđn < 1.0$	
		Hướng vào người cùng thảo luận đđ trao đđi ý kiến, có tinh thần cầu thị, biết lắng nghe và phản hồi tích cực.	Tôn trọng, lắng nghe người cùng thảo luận nhưng chưa tích cực phản hồi ý kiến.	Thiếu tinh thần cầu thị khi trao đđi ý kiến với người cùng thảo luận	Không tập trung lắng nghe, không trao đđi ý kiến.	
Tđng đđm:						

Rubric 3 Đđnh giá thuyết trình

Tiêu chí	Trđng số	Mức chất lượng				Đđm đđnh giá
		Tđt 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Đđt yêu cầu 6.9 – 5.0	Không đđt 4.9 - 0	
Nđi dung	40%	$4.0 đđn \geq 3.25$	$2.75 đđn \leq 3.25$	$2.5 đđn \geq 2.0$	$0 đđn < 2.0$	
		Nđi dung đđy đđ, ngắn gọn, logic; Nhđn mạnh nhđng đđim quan trđng của bài thuyết trình.	Nđi dung tương đđi đđy đđ, ngắn gọn, logic. Nđu đđc 1 vđi đđim quan trđng của bài thuyết trình.	Nđi dung tương đđi đđy đđ nhưng đđi và thiếu logic.	Nđi dung sơ sđi, lan man không đđng trđng tâm.	
	20%	$2.0 đđn \geq 1.5$	$1.25 đđn 1.5$	$1.0 đđn \leq 1.25$	$0 đđn < 1.0$	
Sử dụng nhiđu ví dụ tiêu biđu đđ giải thích quan đđim của bạn		Sử dụng 1 vđi ví dụ tiêu biđu đđ giải thích quan đđim của	Nđu ví dụ khá lan man không làm rõ đđc quan	Không sử dụng ví dụ đđ giải thích quan		

			bạn	điểm của bạn.	điểm của bạn.	
Phương tiện hỗ trợ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Ngôn ngữ, hình thể giọng nói truyền cảm, chuẩn mực; Sử dụng biểu, bảng/clip/ hình ảnh rất phù hợp.	Ngôn ngữ, giọng nói rõ ràng; Sử dụng biểu, bảng/clip/hình ảnh tương đối phù hợp.	Nói nhỏ, sử dụng từ ngữ đôi chỗ thiếu chính xác, lạm dụng quá nhiều slide trình chiếu.	Nói không rõ ràng, nhiều lỗi diễn đạt, slide đơn điệu.	
Thái độ	20%	$2.0 \text{ đến } \geq 1.5$	$1.25 \text{ đến } 1.5$	$1.0 \text{ đến } \leq 1.25$	$0 \text{ đến } < 1.0$	
		Tạo lập được mối quan hệ thân thiện với người nghe; Tự tin, tương tác với người nghe	Tự tin, tương tác với người nghe	Thiếu tự tin, ít tương tác với người nghe	Không tự tin, không tương tác với người nghe	
Tổng điểm:						

Rubric 5 Đánh giá bài kiểm tra viết

Tiêu chí	Trọng số	Mức chất lượng				Điểm đánh giá
		Giỏi 10 – 8.5	Khá 8.4 - 7.0	Trung bình 6.9 – 5.0	Yếu 4.9 - 0	
Nội dung bài kiểm tra viết	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, nắm khá vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề	Kiến thức thực tế và lý thuyết cơ bản, nắm chưa vững 1 vài nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề	Rất thiếu kiến thức thực tế và lý thuyết; không nắm vững các nguyên lý liên quan đến câu hỏi/đề kiểm	

		kiểm tra.	kiểm tra.	kiểm tra.	tra.	
	40%	$4.0 \text{ đến } \geq 3.25$	$2.75 \text{ đến } \leq 3.25$	$2.5 \text{ đến } \geq 2.0$	$0 \text{ đến } < 2.0$	
		Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết tất cả vấn đề một cách KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 2/3 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; đưa ra giải pháp giải quyết trên 1/2 vấn đề đảm bảo tính KH.	Mô tả/diễn giải/phân tích, tổng hợp/ đánh giá thông tin, dữ liệu; giải pháp đưa ra không giải quyết được vấn đề.	
Hình thức bài kiểm tra viết	10%	$1.0 \text{ đến } \geq 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \geq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Bố cục hợp lí, trình bày rõ ràng đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày rõ ràng, đúng quy định; không sai chính tả, ngữ pháp.	Bố cục khá hợp lí, trình bày chưa rõ ràng; mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.	Bố cục không hợp lí, trình bày lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	
Sáng tạo	10%	$1.0 \text{ đến } 0.75$	$0.5 \text{ đến } \leq 0.75$	$0.25 \text{ đến } \leq 0.5$	$0 \text{ đến } \leq 0.25$	
		Nhiều kiến giải mới mẻ, độc đáo.	Một số kiến giải mới tạo được dấu ấn riêng.	Một vài kiến giải khác lạ không bị phụ thuộc vào cái đã có.	Kiến giải không hoàn toàn mới nhưng không bị trùng lặp với cái đã có.	
Tổng điểm:						

7. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung 1, Tuần 1: Chương 1: Tổng quan [4 tiết (LT2, TH0, TL2)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
1.1. Ba yếu tố	2	Lí thuyết	CLO1: Mô	GT1, GT2	Chỉ ra và

căn bản của văn học 1.2. Vai trò, vị trí của hoạt động tiếp nhận văn học 1.3. Khái niệm tiếp nhận văn học			tả, khái quát được các khuynh hướng lí thuyết tiếp nhận văn học hiện đại; phân tích, đánh giá được ưu, nhược điểm của mỗi trường phái lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học		phân tích 3 yếu tố căn bản của văn học
Vận dụng các câu hỏi nghiên cứu căn bản của lí thuyết văn học trong việc nghiên cứu 1 văn bản văn học.	2	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông trung học	GT1 GT2	Bảng so sánh
Giới thiệu lí thuyết về đa dạng		Tự học	CLO2: Vận dụng	Internet	Thuyết trình hoặc Poster

trí thông minh			được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		
Đặc trưng của hoạt động tiếp nhận văn học	07'	KT – ĐG		GT1 GT2 TLTK2	Thuyết trình

Nội dung 2, Tuần 2: Khuynh hướng tiếp nhận lịch sử - phát sinh – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9,TH2,TL4)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
2.1. Tổng quan 2.2. Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học 2.2.1. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa thực chứng 2.2.2. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Phân tâm học	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà	GT1 GT2	Tổng quan một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học

			trường phổ thông		
So sánh phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của chủ nghĩa thực chứng và Phân tâm học	2	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.	GT1 GT2	Thuyết trình
Vận dụng lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Phân tâm học để đánh giá 1 văn bản văn học	4	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra,	GT1 GT2	Trình bày kết quả đọc bằng sơ đồ trình chiếu trên máy chiếu.

			khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông		
Đọc và giới thiệu về 1 VB dưới lí thuyết của chủ nghĩa thực chứng.		Tự học		TLTK2	Thuyết trình
Nêu cách vận dụng các lí thuyết tiếp nhận trong việc giải mã văn bản văn học và trong giảng dạy văn bản theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS		KT – ĐG	CL O3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển	GT1 GT2	Thuyết trình

			năng lực đọc đọc lập, sáng tạo của HS.		
--	--	--	--	--	--

Nội dung 3, Tuần 3: Khuyh hướng tiếp nhận Bản thể luận – Những thành tựu và hạn chế [15 tiết (LT9,TH3,TL3)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
3.1. Tổng quan 3.2. Một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học 3.2.1. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Chủ nghĩa hình thức Nga 3.2.2. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu của Phê bình mới 3.2.3. Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Cấu trúc luận, Kí hiệu học	9	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Tổng quan một số lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học
So sánh Cách thức vận dụng phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình của Kí hiệu học và Cấu trúc luận.	3	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào	GT2 TLTK2	Bảng so sánh

			việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Vận dụng lí thuyết kí hiệu học trong đọc hiểu một văn bản văn học	3	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về Phương pháp tiếp nhận, nghiên cứu của Phê bình mới		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS		Thuyết trình
Đề xuất tiêu chí đánh giá năng lực đọc VB		KT – ĐG			Thuyết trình

Nội dung 4, Tuần 4: Khuynh hướng tiếp nhận lịch sử - chức năng – Những thành tựu và hạn chế [30 tiết (LT10, TH10, TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu	Yêu cầu SV chuẩn bị
-----------------------	----------------	------------------	------------------------	-----------------	----------------------------

		tổ chức dạy học		tham khảo	
<p>4.1. Tổng quan</p> <p>4.2. Lí thuyết tiếp nhận của người đọc</p> <p>4.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển</p> <p>4.2.2. Các câu hỏi cơ bản của lí thuyết tiếp nhận của người đọc</p> <p>4.2.3. Quan niệm mới của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về Lịch sử văn học</p> <p>4.2.4. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người sáng tạo – nhà văn</p> <p>4.2.5. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của văn bản văn chương</p> <p>4.2.6. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về vai trò, vị thế của người đọc</p> <p>4.2.7. Quan niệm của lí thuyết tiếp</p>	10	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông	GT2 TLTK 2	Tổng quan lí thuyết tiếp nhận của người đọc

<p>nhận của người đọc về hành động đọc và cơ chế đọc</p> <p>4.2.8. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về nghĩa và ý nghĩa của văn bản văn chương</p> <p>4.2.9. Quan niệm của lí thuyết tiếp nhận của người đọc về tính khách quan và chủ quan trong tiếp nhận văn bản văn chương</p>					
<p>Các quan điểm khác nhau về nghĩa và ý nghĩa của văn bản</p>	10	Thảo luận/ BT	<p>CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.</p>	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
<p>Vận dụng lí thuyết tiếp nhận trong đọc hiểu 1 văn bản văn học</p>	10	Thực hành	<p>CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;</p>	GT2 TLTK 2	Thuyết trình

Viết báo cáo nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển lí thuyết tiếp nhận		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		Thuyết trình
Đề xuất cách thức vận dụng lí thuyết tiếp nhận văn học, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc nâng cao hiệu quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông.		KT - ĐG			Thuyết trình

Nội dung 5, Tuần 5: Khuyñh hướng tiếp nhận lịch sử - chức năng – Những thành tựu và hạn chế [30 tiết (LT10, TH10, TL10)]

Nội dung chính	Số tiết	Hình thức tổ chức dạy học	Chuẩn đầu ra HP	Tài liệu tham khảo	Yêu cầu SV chuẩn bị
45.1. Tiếp cận đồng bộ trong xác định đặc trưng, mục tiêu	10	Lí thuyết	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên	GT2 TLTK 2	Xác định đặc trưng, mục tiêu

<p>chương trình, chuẩn đầu ra môn Ngữ văn</p> <p>5.1.1. Tác phẩm văn chương là một đối tượng nhận thức đặc thù</p> <p>5.1.2. Tiếp nhận văn chương là một hoạt động nhận thức thẩm mỹ đặc thù</p> <p>5.1.3. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù</p> <p>5.1.4. HS là một chủ thể tiếp nhận đặc thù</p> <p>5.1.5. Môn Ngữ văn trong trong nhà trường phổ thông là một môn học đặc thù, đa chức năng</p> <p>5.2. Tiếp cận đồng bộ trong việc đọc hiểu và dạy đọc hiểu tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông</p> <p>5.2.1. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông</p> <p>5.2.2. Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ trong dạy học và kiểm tra đánh giá</p>			<p>cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông</p>		<p>chương trình, chuẩn đầu ra môn Ngữ văn</p>
--	--	--	---	--	---

kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông					
Các quan điểm khác nhau về vai trò của HS trong quá trình tiếp nhận văn bản	10	Thảo luận/BT	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
Vận dụng Quan điểm, nguyên tắc tiếp cận đồng bộ tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông trong đọc hiểu 1 văn bản văn học	10	Thực hành	CLO2: Vận dụng được các lí thuyết tiếp nhận, nghiên cứu, phê bình văn học vào quá trình điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy đọc văn ở nhà trường phổ thông;	GT2 TLTK 2	Thuyết trình
Viết báo cáo nghiên cứu về vấn đề tiếp cận đồng bộ trong việc đọc hiểu và dạy đọc hiểu tác phẩm văn chương ở nhà trường phổ thông.		Tự học	CLO3: Phân tích, đề xuất được quan điểm, nguyên tắc, phương pháp vận dụng lí thuyết tiếp nhận, đặc biệt là lí thuyết tiếp nhận của người đọc vào việc dạy học văn bản văn chương ở nhà trường phổ thông theo hướng		Thuyết trình

			phát triển năng lực đọc độc lập, sáng tạo của HS.		
Đề xuất cách thức tiếp cận đồng bộ trong dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả đọc văn của HS ở nhà trường phổ thông		KT - ĐG			Thuyết trình

8. Quy định đối với học viên:

Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

9. Các yêu cầu khác của giảng viên (nếu có)

Phòng học có đầy đủ các phương tiện bảng, máy chiếu projector để phục vụ các hoạt động dạy học. Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập.

10. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết học phần

Cập nhật ĐCCTHP lần 1 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật
Cập nhật ĐCCTHP lần 2 <i>Ngày tháng năm</i>	Người cập nhật

Duyệt
(Khoa)

Trưởng bộ môn
(Kí tên)

Ngày tháng 8 năm 2022
Giảng viên
(Kí tên)

TL.HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT SAU ĐẠI HỌC